

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A, TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HS-ST

Ngày: 14/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lưu Văn Bình

+ Ông Nguyễn Văn Cho

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 07/TB-TĐTGMPPT ngày 29/6/2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 03/2022/TB-MPT ngày 05/8/2022 đối với:

- Bị cáo Võ Văn T, sinh năm 1986, tại huyện A, tỉnh K; Nơi cư trú: Ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh K; Nghề nghiệp: Thợ lò rèn; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn B, sinh năm 1938 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1949 (đã chết); Bị cáo sống chung như vợ chồng với Lê Thị H; Bị cáo chưa có con; Tiền án: Ngày 10/01/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 05 tháng 09 ngày tù về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong ngày 03/8/2020; Ngày 06/01/2021 bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, chưa chấp hành xong; Tiền

sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/3/2012 bị Ủy ban nhân dân tỉnh K đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng theo Quyết định số 603/QĐ-UBND về hành vi “Đánh bạc”, đã chấp hành xong ngày 30/11/2013; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/12/2021 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện A. (Bị cáo có mặt).

* *Bị hại*: Chị Lê Thị H, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Đào Hồng H, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

* *Người làm chứng*: Anh Lê Văn Tr, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 08/11/2021, Võ Văn T thuê xe ôm của anh Đào Hồng H đi từ ấp R, xã Đ, huyện A, tỉnh K đến nhà anh Lê Văn P (anh ruột của Lê Thị H) ở ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K với mục đích tìm chị Lê Thị H. Trong lúc đang ở nhà anh P, thì T thấy chị H ngồi trên xe mô tô của anh Lê Văn Tr, đi từ hướng kênh X ra kênh C, nên T kêu anh H chạy bám theo sau. Khi đến ngã tư Xẻo Nhàu, T thấy chị H dừng xe lại mua trái cây nên dừng xe ở gần đó chờ. Khi mua trái cây xong, chị H lên xe anh Tr chạy về hướng Xẻo Lá, lúc này T liên tục kêu anh H bám theo phía sau. Đến đầu kênh Bình Bát thuộc ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K. T kêu anh H chạy xe vượt lên trước chặn đầu xe anh Tr, nên anh Tr dừng xe lại, T bước xuống xe đi lại kêu H xuống xe, kêu H về nhà nhưng H không về, thì T ôm H kéo xuống xe và kêu H đưa điện thoại di động nhưng H không đưa, T thấy điện thoại di động của H để trong túi treo trước ngực nên giật lấy, H chụp lại dây co điện thoại với T một lúc thì T lấy được điện thoại, đồng thời dùng tay đánh H 03 cái vào mặt rồi tiếp tục lấy ba lô của H để trước xe anh Tr. T lôi kéo H lên xe để chở về nhà nói

chuyện, nhưng H vùng vẫy không chịu đi. Sau đó, H lên xe kêu anh Tr chở H chạy đến Công an xã T trình báo sự việc. Lúc này T mở ba lô ra xem thấy trong ba lô có quần áo của phụ nữ, rồi mang ba lô cùng điện thoại của H về nhà, T mở ốp lưng điện thoại của H thấy có 02 tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 500.000 đồng; 01 tờ tiền 02 Dollars và 01 thẻ ATM. Sau khi lấy đồ, tài sản của H mang về nhà. Khoảng 11 giờ cùng ngày mẹ của H có gọi kêu T trả đồ cho H nhưng T kêu H xuống gặp mẹ T nói chuyện, T cúp máy không trả lại đồ. Cho đến 10 ngày sau bị Cơ quan Công an mời làm việc.

Khi cơ quan điều tra mời làm việc, T mang đồ tài sản chiếm đoạt của chị H giao nộp Cơ quan Điều tra, gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Realme, màu đỏ, đã qua sử dụng;
- 01 ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa màu đen, mặt lưng có bông trắng xanh;
- 01 ba lô màu đen, có in màu chữ www.vti.com.vn;
- 01 áo khoát nữ màu xám, có chữ FASHION;
- 01 áo thun nữ dài tay, màu cà phê sữa, cổ áo có chữ TT FASHION;
- 01 quần lửng màu đen có 02 sọc đỏ, hiệu cá sấu, có chữ Lacote;
- 01 áo thun nữ dài tay màu cà phê sữa;
- Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng;
- 01 tờ tiền Dollars Mỹ mệnh giá 02 Dollars, bị rách rời (không còn giá trị);
- 01 thẻ ATM không có tài khoản bên trong;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐG ngày 13/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A kết luận: Tổng giá trị tài sản cần định giá là 1.415.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 2.415.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 20/CT-VKS-AM ngày 15/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K truy tố Võ Văn T về tội: “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Khoản 1 Điều 54; Điều 56 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Đồng thời tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành là 09 (chín) tháng tù của Bản án số 01/2021/HSST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng của vụ án sau khi phục vụ cho công tác định giá Cơ quan Điều tra đã trả lại cho người bị hại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo xác định những tài sản bị cáo lấy của bị hại H là thuộc quyền sở hữu cá nhân của bị hại H. Bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về chăm sóc cha già.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đối với bị hại Lê Thị H có đơn xin vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Hồng H và người làm chứng anh Lê Văn Tr vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ của chị H, anh H, anh Tr nên sự vắng mặt của chị H, anh H, anh Tr không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai trong quá trình điều tra của những người vắng mặt.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

- Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, phù hợp với bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh K và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 08/11/2021 tại ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K bị cáo Võ Văn T đã có hành vi dùng vũ lực (*T giật lấy điện thoại, đồng thời dùng tay đánh bị hại H 03 cái vào mặt rồi tiếp tục lấy ba lô của bị H để trước xe anh Tr*), tài sản bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại Lê Thị H gồm: 01 điện thoại di động hiệu Realme, màu đỏ; 01 ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa màu đen, mặt lưng có bông trắng xanh; 01 ba lô màu đen, có in màu chữ www.vti.com.vn; 01 áo khoát nữ màu xám, có chữ FASHION; 01 áo thun nữ dài tay, màu cà phê sữa, cổ áo có chữ TT FASHION; 01 quần lửng màu đen có 02 sọc đỏ, hiệu cá sấu, có chữ Lacote; 01 áo thun nữ dài tay màu cà phê sữa; Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng; 01 tờ tiền Dollars Mỹ mệnh giá 02 Dollars, bị rách rời (không

còn giá trị); 01 thẻ ATM không có tài khoản bên trong. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Võ Văn T chiếm đoạt của chị Lê Thị H là 2.415.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành và được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo có 02 tiền án; ngày 10/01/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 05 tháng 09 ngày tù về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong ngày 03/8/2020; ngày 06/01/2021 bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K truy tố bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được và biết rõ tài sản bị cáo chiếm đoạt không thuộc quyền sở hữu của bị cáo nhưng bị cáo vẫn dùng vũ lực để chiếm đoạt cho bằng được. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ gây lo ngại trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm theo quy định pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này bị cáo có 02 tiền án và căn cứ này đã là căn cứ định tội nên không được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại khoản 2 điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đồng thời sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện ra trình diện, khai báo với Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện A và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo theo quy định khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản truy tố, mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặc dù, Cáo trạng của Viện kiểm sát đã xác định bị cáo có 01 tiền sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát xác định lại là bị cáo không có tiền sự. Việc xác định bị cáo không có tiền sự là hoàn toàn phù hợp vì: Quyết định số 603/QĐ-UBND, ngày 19/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh K đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng đối với Võ Văn T về hành vi “Đánh bạc”, đã chấp hành xong ngày 30/11/2013. Sau thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong Quyết định, Võ Văn T không có tái phạm thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nên căn cứ vào Điều 7 của Luật xử lý vi phạm hành chính là bị cáo được xem là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nghĩa là bị cáo không có tiền sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Các vật chứng của vụ án sau khi phục vụ cho công tác định giá Cơ quan Điều tra đã trả lại cho người bị hại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với anh Đào Hồng H có nhận tiền chở bị cáo T đi tìm chị Lê Thị H, nhưng trước khi đi bị cáo T không có nói và cũng không biết hành vi của bị cáo T là cướp tài sản nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[9] Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm h khoản 2 Điều 168; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn T phạm tội: "*Cướp tài sản*".

- Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành là 09 (chín) tháng tù của Bản án số 01/2021/HSST ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K. Buộc bị cáo Võ Văn T chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 03/12/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về vật chứng của vụ án:

Các vật chứng của vụ án sau khi phục vụ cho công tác định giá Cơ quan Điều tra đã trả lại cho người bị hại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 14/8/2022*). Riêng đối bị hại Lê Thị H; người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Hồng H vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh K;
- TAND tỉnh K;
- Cơ quan THAHS huyện A;
- Cơ quan THADS huyện A;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở TP tỉnh K;
- UBND xã, TT, AM, KG;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU